ĐƠN VỊ/AGENCY:….....

BỘ PHẬN/DIVISION:….....……

Mẫu số C72a-HD
Form No. C72a-HD
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)
(Attached with the Circular No. 102/2018/TT-BTC dated 14/11/2018 of the Ministry of Finance)

DANH SÁCH CHI TRẢ LƯƠNG HƯU VÀ TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI
THE LIST OF PAYMENTS OF RETIREMENT BENEFITS AND SOCIAL INSURANCE ALLOWANCE

Tháng ... Năm...
Month…..Year……
Điểm chi trả:.....Quận (huyện).....
Point of payment:……Urban district (rural district)…….

I. Nguồn Ngân sách Nhà nước/The State Budget

Đơn vị tính/unit: ……

STT/No.	Họ và tên người hưởng/người đứng tên nhận trợ cấp Full name of the beneficiary/ person named as the recipient of the allowance	Mã số BHXH/ Social Insurance Number	Số tiền hưởng tháng này/The amount entitled this month		Số tiền truy lĩnh/ retro amount retrieved	Số tiền khấu trừ (nếu có)/ amount deducted (if any)	Tổng số tiền được lĩnh/ Total amount received	Thông tin tài khoản cá nhân/Ký nhận Personal bank account details/signature
			Một lần/ Lump sum	Hàng tháng/ Monthly				
A	B	C	1	2	3	4	5=(1+2+3) - 4	D
I	**Hưu quân đội/military retirement**							
…	...							
	Cộng I/ Total I							
II	**Công nhân viên chức/ Civil Servants**							
…	...							

	Cộng II/ Total II							
III	**Tử tuất/ Survivor's benefits**							
1	Tuất định suất cơ bản/basic fixed survivor's benefits							
	…							
	Cộng 1/ Total 1							
2	Tuất định suất nuôi dưỡng/ nurturing survivor's benefits							
	Cộng 2/ Total 2							
	Cộng III/ Total III							
IV	**TNLĐ, BNN/ Occupational injuries/ diseases**							
…	…							
	Cộng IV/ Total IV							
	Tổng cộng (I+II+III+IV)/ Total (I+II+III+IV)							

II. Quỹ BHXH/ Social Insurance Fund

STT/No.	**Họ và tên người hưởng/người đứng tên nhận trợ cấp Full name of the beneficiary/ person named as the recipient of the allowance**	**Mã số BHXH/ Social Insurance Number**	**Số tiền hưởng tháng này/The amount entitled this month**		**Số tiền truy lĩnh/ retro amount retrieved**	**Số tiền khấu trừ (nếu có)/ amount deducted (if any)**	**Tổng số tiền được lĩnh/ Total amount received**	**Thông tin tài khoản cá nhân/Ký nhận Personal bank account details/signature**
			Một lần/ Lump sum	**Hàng tháng/ Monthly**				
A	B	C	1	2	3	4	5=(1+2+3) - 4	D
I	**Hưu quân đội/ military retirement**							
….	**...**							

	Cộng I/ Total I							
II	**Công nhân viên chức/ Civil Servant**							
…	**...**							
	Cộng II/ Total II							
III	**Hưu tự nguyện/ Voluntary retirement**							
…	**...**							
	Cộng III/ Total III							
IV	**Tử tuất/ Survivor's Benefits**							
1	Tuất định suất cơ bản/basic fixed survivor's benefits							
	…							
	Cộng 1/ Total 1							
2	Tuất định suất nuôi dưỡng/ nurturing survivor's benefits							
	…							
	Cộng 2/Total 2							
	Cộng IV/ Total IV							
V	**TNLĐ, BNN/ Occupational Injuries/ Diseases**							
	…							
	Cộng V/ Total V							
	Tổng cộng/Total							

Tổng số người trong danh sách là/Total number of people in the list:.....người/persons

Tổng số tiền trong danh sách là/Total amount of money in the list:.....đồng/VND

(Viết bằng chữ/ In words:.....)

Ngày..... tháng ..... năm ……..
Date…….month…….year…….

NGƯỜI LẬP BIỂU PREPARED BY	PHỤ TRÁCH CHẾ ĐỘ BHXH IN CHARGE OF SOCIAL INSURANCE IMPLEMENTATION	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ HEAD OF THE AGENCY
(Ký, họ tên) *(Sign/ full name)*	*(Ký, họ tên)* *(Sign, full name)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)* *(Sign, full name, stamp)*

Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa tiếng Việt và tiếng Anh trong văn bản, tiếng Việt là ngôn ngữ chính và là căn cứ pháp lý để giải quyết tranh chấp./ If there are differences understanding between Vietnamese and English in this paper, VietNamese will be considered the primary language and legal basis to resolve the dispute